

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA**

GIÁO TRÌNH

**MÔN HỌC: LUẬT KINH TẾ
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 474/QĐ-CĐSL ngày 27 tháng 8 năm 2020 của
Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình
đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2020)*

Sơn La, năm 2020

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo trình Luật kinh tế được xây dựng dựa vào chương trình môn học, do tổ Tài chính và quản trị kinh doanh phụ trách giảng dạy. Là môn chuyên môn trong chương trình đào tạo ngành Kế toán doanh nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng.

Trân trọng cảm ơn các đồng nghiệp đã tạo mọi điều kiện thuận lợi trong quá trình biên soạn để tôi hoàn thiện giáo trình này.

Sơn La, năm 2020

Chủ biên: Đoàn Thu Hà

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Tên môn học: Luật kinh tế

Mã môn học: MH

I. Vị trí môn học, tính chất của môn học

- Vị trí: Là môn học thuộc học phần cơ sở, trong chương trình giáo dục nghề nghiệp hệ trung cấp, ngành kế toán doanh nghiệp sản xuất .

- Tính chất: Môn học Luật Kinh Tế là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính lý thuyết, mang tính thực hành, gắn liền với các hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà sản xuất và tiêu dùng.

II. Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức:

- Hiểu rõ các khái niệm và lý thuyết cơ bản về Luật Kinh doanh và vai trò của Luật Kinh doanh trong nền kinh tế thị trường

- Hiểu rõ địa vị pháp lý của các doanh nghiệp được pháp luật thừa nhận, nhằm có thể lựa chọn hình thức tổ chức và quản lý doanh nghiệp phù hợp với hoạt động kinh doanh của mình

- Hiểu rõ các trường hợp, thủ tục và điều kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố một doanh nghiệp phá sản để có thái độ thận trọng và thiện chí trong hoạt động kinh doanh cũng như vận dụng được chế định này khi cần thiết

- Hiểu rõ đặc điểm của hợp đồng thương mại, điều kiện để ký kết hợp đồng có hiệu lực cũng như trách nhiệm pháp lý của các bên, từ đó, nhà kinh doanh sẽ biết cần phải quan tâm đến vấn đề gì khi giao kết và thực hiện hợp đồng thương mại

- Hiểu rõ cách thức giải quyết các tranh chấp và yêu cầu phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các chủ thể liên quan, trên cơ sở đó các nhà kinh doanh có thể chọn cách thức phù hợp với yêu cầu về quyền lợi cần được bảo vệ Môn học Kinh tế học vi môn là một trong những môn kinh tế học cơ bản, là cơ sở tìm hiểu các môn học cao hơn trong lĩnh vực kinh tế và kế toán.

- Về kỹ năng:

Phân biệt các loại hình doanh nghiệp, áp dụng làm các thủ tục đăng ký hoạt động kinh doanh và phá sản, trang chấp hợp đồng kinh tế, cạnh tranh và quan hệ lao động.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tiếp cận những thông tin về doanh nghiệp, nâng cao kiến thức và kỹ năng luật doanh nghiệp ở thực tế

Chương 1: Lý luận chung về pháp luật kinh tế.

1. Khái niệm luật kinh doanh:

Theo quan điểm trước đây Luật kinh tế là ngành luật riêng biệt của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, luật kinh tế được hiểu là ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình quản lý kinh tế và trong quá trình kinh doanh giữa các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế với các tổ chức kinh tế XHCN hoặc giữa các tổ chức này với nhau nhằm thực hiện chỉ tiêu kế hoạch do Nhà nước giao.

Trong hoạt động kinh tế hiện nay, chủ thể kinh doanh không chỉ là các tổ chức kinh tế XHCN mà có nhiều chủ thể thuộc các thành phần kinh tế khác cùng tham gia kinh doanh bình đẳng.

Các chủ thể kinh doanh được tự do chọn lựa ngành nghề kinh doanh nhằm mục tiêu kiếm lời trong sự quản lý của Nhà nước về kinh tế nhằm đảm bảo sự phát triển kinh tế xã hội theo định hướng của Nhà nước.

Do đó vai trò điều chỉnh của luật kinh tế đối với các hoạt động kinh tế hiện nay có nội dung nhân mạnh đến các quan hệ kinh doanh giữa các chủ thể kinh doanh khác nhau trong nền kinh tế thị trường, nên có quan điểm gọi luật kinh tế là luật kinh doanh.

Vì vậy khái niệm luật kinh tế ngày nay (luật kinh doanh): *là ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm tổng hợp các quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình tổ chức và quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và trong quá trình sản xuất kinh doanh giữa các chủ thể kinh doanh với nhau.*

2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật kinh doanh

2.1. Đối tượng điều chỉnh:

Mỗi ngành luật có đối tượng điều chỉnh riêng, đối tượng điều chỉnh của luật kinh tế là những quan hệ kinh tế chịu sự tác động của luật, bao gồm các nhóm quan hệ sau đây:

2.1.1. Nhóm quan hệ phát sinh giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý về kinh tế với các chủ thể kinh doanh:

Nhóm quan hệ này thể hiện sự quản lý kinh tế của Nhà nước, khi các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng quản lý của mình. Các chủ thể trong mỗi quan hệ này không bình đẳng về mặt pháp lý, các chủ thể bị quản lý phải phục tùng mệnh

lệnh, ý chí của cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế.

2.1.2. Nhóm quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình kinh doanh giữa các chủ thể kinh doanh với nhau:

Nhóm quan hệ này phát sinh trong quá trình các chủ thể kinh doanh thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu lợi nhuận. Chủ thể của nhóm quan hệ này chủ yếu là các chủ thể kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác nhau tham gia trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, tự nguyện không bị áp đặt. Đây là nhóm quan hệ chủ yếu và phổ biến nhất trong các quan hệ kinh tế.

2.1.3. Nhóm quan hệ kinh tế phát sinh trong nội bộ các đơn vị

Các chủ thể kinh doanh khi tham gia kinh doanh hình thành nên các đơn vị kinh doanh với nhiều hình thức khác nhau như các loại hình doanh nghiệp công ty, doanh nghiệp tư nhân..., Trong quá trình hoạt động kinh doanh các cá nhân, tổ chức tham gia góp vốn tạo nên các doanh nghiệp, bản thân các thành viên trong doanh nghiệp có thể mâu thuẫn quyền lợi, nghĩa vụ hoặc mâu thuẫn giữa thành viên với doanh nghiệp dẫn đến tranh chấp cần sự điều chỉnh của luật.

2.2. Phương pháp điều chỉnh:

Phương pháp điều chỉnh của luật kinh doanh là phương pháp mệnh lệnh và phương pháp thỏa thuận bình đẳng.

2.2.1. Phương pháp mệnh lệnh:

Phương pháp mệnh lệnh được sử dụng chủ yếu để điều chỉnh mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền với các chủ thể kinh doanh. Trong mối quan hệ này cơ quan nhà nước có quyền đưa ra các quy định buộc các chủ thể kinh doanh phải tuân theo. Cách thức tác động của luật cho thấy vị trí bất bình đẳng giữa bên quản lý và bên bị quản lý, bên bị quản lý buộc phải thực hiện ý chí của cơ quan quản lý đã thể hiện tính chất phục tùng mệnh lệnh.

2.2.2. Phương pháp thỏa thuận bình đẳng:

Phương pháp thỏa thuận bình đẳng được sử dụng để điều chỉnh các nhóm quan hệ kinh tế phát sinh giữa các chủ thể kinh doanh hoặc quan hệ phát sinh trong nội bộ đơn vị kinh doanh. Trong các quan hệ này, luật tác động cho phép các chủ thể khi tham gia vào quá trình kinh doanh có quyền bình đẳng thỏa thuận với đối tác những vấn đề mà các chủ thể quan tâm để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Điều này thể hiện sự tôn trọng quyền tự quyết của các chủ thể kinh doanh trong môi trường kinh doanh.

3. Vai trò, vị trí của luật kinh tế:

3.1. Cụ thể hoá đường lối của Đảng:

Trong quá trình quản lý xã hội, luật kinh tế là công cụ quản lý kinh tế quan trọng của Nhà nước. Thực hiện chính sách, chủ trương cải cách và chủ trương đổi mới kinh tế của Đảng, Luật kinh doanh đã ghi nhận và thể chế hóa các chính sách, chủ trương của Đảng thành các quy định pháp luật, bảo đảm các quyền và nghĩa vụ pháp lý cho các thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như mong muốn của Đảng và Nhà nước.

3.2. Tạo hành lang pháp lý cho các chủ thể kinh doanh:

Trong hoạt động kinh doanh, để an tâm bỏ vốn đầu tư sản xuất kinh doanh, các chủ thể kinh doanh luôn đòi hỏi phải được đảm bảo về mặt pháp lý. Luật kinh doanh đã tạo ra hành lang pháp lý, bằng các quy định trong các văn bản pháp luật đã xác lập tính hợp pháp của các hoạt động kinh doanh ở Việt Nam, điều này đã khuyến khích các chủ thể mạnh dạn tham gia đầu tư kinh doanh.

3.3. Xác định địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh:

Các chủ thể kinh doanh đều được xác định vị trí pháp lý nhất định khi tham gia hoạt động kinh doanh, Luật kinh tế xác lập địa vị pháp lý này cho các chủ thể kinh doanh nhằm đảm bảo tính chủ động trong kinh doanh của các chủ thể kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật, ghi nhận vai trò nhiệm vụ của từng loại chủ thể trong hệ thống cơ quan, tổ chức kinh tế, đồng thời cũng giúp các cơ quan nhà nước quản lý hoạt động chủ thể kinh doanh hiệu quả hơn.

3.4. Điều chỉnh và giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh trên thực tế rất đa dạng, phong phú và thường có nhiều quan hệ đan xen với nhau. Luật kinh doanh ghi nhận quá trình xác lập, thực hiện, chấm dứt cùng những hệ quả phải giải quyết đối với các hành vi kinh doanh.

Tranh chấp phát sinh trong kinh doanh là vấn đề tất yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh, do đó luật kinh tế đã dự liệu các hình thức giải quyết tranh chấp để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quá trình kinh doanh bằng các chế định về cách thức tổ chức, thẩm quyền giải quyết tranh chấp của các cơ quan tài phán kinh tế.

4. Nguồn của luật kinh doanh:

Nguồn của luật kinh doanh là những văn bản pháp luật chứa đựng các quy phạm

pháp luật kinh tế do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Đó là:

4.1. Hiến pháp:

Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là luật có hiệu lực pháp lý cao nhất, mọi văn bản pháp luật khác ban hành phải phù hợp với hiến pháp. Hiến pháp là nguồn có giá trị pháp lý cao nhất của luật kinh tế, trong Hiến pháp 1992, các quy định về chế độ kinh tế mang tính nguyên tắc chỉ đạo việc xác lập các chế định, quy phạm cụ thể của luật kinh tế.

4.2. Luật, Bộ luật:

Luật, Bộ luật là những văn bản có hiệu lực pháp luật sau Hiến pháp, do Quốc hội ban hành quy định những vấn đề quan trọng trong quản lý kinh tế của Nhà nước và trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, như: Luật doanh nghiệp, luật thương mại...

4.3. Nghị quyết của quốc hội về kinh tế:

Nghị quyết của Quốc hội là văn bản pháp luật được xem có giá trị pháp lý như là luật, như: Nghị quyết thông qua phương hướng và kế hoạch phát triển kinh tế dài hạn.

4.4. Pháp lệnh:

Pháp lệnh là văn bản do Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội quan trọng khi chưa có luật điều chỉnh. Pháp lệnh chứa đựng các quy phạm pháp luật kinh tế được xem là nguồn của luật kinh tế, như: Pháp lệnh trọng tài thương mại, pháp lệnh chống bán phá giá hàng nhập khẩu vào Việt Nam...

4.5. Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ:

Nghị quyết của Chính phủ được ban hành các chính sách chủ trương, quy định nhiệm vụ, công tác của Chính phủ trong việc thực hiện chức năng quản lý kinh tế- xã hội. Nghị định của Chính phủ được ban hành nhằm cụ thể hóa các văn bản pháp luật, pháp lệnh, như: Nghị định hướng dẫn thi hành luật doanh nghiệp.

4.6. Các văn bản Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, Thông tư của Bộ và cơ quan ngang Bộ...

Chương 2: Pháp luật về chủ thể kinh doanh.

1. Khái quát về chủ thể kinh doanh

Chủ thể của luật kinh doanh là những cá nhân và tổ chức có đủ điều kiện luật định để tham gia vào quan hệ kinh doanh, bao gồm:

Cá nhân:

Là những con người cụ thể. Cá nhân muốn trở thành chủ thể của luật kinh doanh phải hội đủ các điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự
- Không thuộc trường hợp bị hạn chế kinh doanh hay cấm kinh doanh
- Đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật

Tổ chức:

Là tập hợp bao gồm các cá nhân hoặc cá nhân và tổ chức hay các tổ chức liên kết hình thành tổ chức mới nhằm thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Căn cứ vào tính chất của tổ chức, luật pháp phân chia tổ chức thành hai loại: tổ chức có tư cách pháp nhân và tổ chức không có tư cách pháp nhân.

Pháp nhân:

Là tổ chức có đầy đủ các điều kiện luật định tham gia vào các quan hệ pháp luật với tư cách chủ thể quan hệ pháp luật.

Để được công nhận là một pháp nhân, theo điều 84 Bộ luật dân sự, tổ chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Được thành lập hợp pháp
- Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ
- Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và chịu trách nhiệm bằng tài sản đó
- Nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật độc lập

Trong lĩnh vực kinh doanh, pháp nhân tham gia vào các quan hệ kinh doanh được gọi là pháp nhân kinh tế. Khi tham gia vào các quan hệ kinh doanh, hành vi của pháp nhân kinh tế được thực hiện bởi người đại diện hợp pháp của pháp nhân.

Tổ chức không là pháp nhân:

Là những tổ chức không đáp ứng đủ các điều kiện tại điều 84 Bộ luật dân sự. Trong lĩnh vực kinh doanh, tổ chức không có tư cách pháp nhân được phép tham gia vào các quan hệ kinh doanh theo quy định pháp luật, thực hiện các hoạt động kinh

doanh thông qua người đại diện hợp pháp của tổ chức.

Hộ gia đình kinh doanh:

Hộ gia đình kinh doanh thực hiện các hoạt động kinh doanh dưới hình thức pháp lý là Hộ kinh doanh cá thể, bao gồm các thành viên trong gia đình góp tài sản, công sức để hoạt động kinh tế chung trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh do pháp luật quy định.

Khi thực hiện các hoạt động kinh doanh, Hộ gia đình kinh doanh chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của cả Hộ, bao gồm cả tài sản riêng của các thành viên trong hộ gia đình kinh doanh nếu tài sản của Hộ gia đình không giải quyết hết các khoản nợ đối với các chủ nợ.

2. Các chủ thể kinh doanh theo quy định của pháp luật

2.1. Khái niệm về doanh nghiệp

Tùy theo cách tiếp cận và giai đoạn phát triển kinh tế mà có những quan niệm khác nhau về doanh nghiệp.

Theo Luật doanh nghiệp năm 2005: “Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo qui định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh”.

- Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể sử dụng tên riêng bằng tiếng nước ngoài đã đăng ký để cấu thành một phần hoặc toàn bộ tên riêng của doanh nghiệp.

- Có thể sử dụng ngành, nghề kinh doanh, hình thức đầu tư hay yếu tố phụ trợ khác để cấu thành tên riêng nếu doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành, nghề hoặc thực hiện các hình thức đầu tư đó.

- Không được đặt trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Không sử dụng tên của cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm một phần hoặc toàn bộ tên riêng của doanh nghiệp (trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó); không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức thuần phong mỹ tục của dân tộc và các qui định khác của pháp luật có liên quan.

• Tài sản của doanh nghiệp:

Phải được đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh và góp đủ sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh các ngành nghề qui định vốn pháp định thì trị giá tài sản phải không thấp hơn số vốn pháp định.

- **Trụ sở chính của doanh nghiệp:**

Phải nằm trên lãnh thổ Việt Nam và có địa chỉ xác định gồm số nhà, tên phố, xã phường, thị trấn, quận, thị, huyện, tỉnh, thành phố; số điện thoại, số Fax và thư điện tử.

- **Phân loại doanh nghiệp**

Có nhiều cách phân loại doanh nghiệp dựa theo các tiêu chí khác nhau.

- **Căn cứ vào giới hạn trách nhiệm của chủ sở hữu đối với các khoản nợ của doanh nghiệp**, người ta chia doanh nghiệp làm hai loại:

- Doanh nghiệp chịu trách nhiệm hữu hạn

Là doanh nghiệp trong đó chủ sở hữu chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp trong phạm vi số tài sản mà họ cam kết góp vào doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp chịu trách nhiệm vô hạn

Là doanh nghiệp trong đó chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp không chỉ giới hạn ở số tài sản họ cam kết góp vào doanh nghiệp mà bằng toàn bộ tài sản của họ.

- **Căn cứ vào hình thức và mức độ góp vốn của chủ sở hữu**, doanh nghiệp được chia làm các loại:

- Doanh nghiệp nhà nước

Là doanh nghiệp, trong đó Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Là doanh nghiệp trong đó nhà đầu tư nước ngoài sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp tư nhân Là doanh nghiệp do một cá nhân đầu tư vốn thành lập và làm chủ.

- Công ty Là doanh nghiệp do cá nhân, tổ chức hay nhiều cá nhân, tổ chức (gọi là thành viên) góp vốn thành lập và cùng làm chủ.

Trong công ty, căn cứ vào tính chất liên kết và chế độ trách nhiệm của các thành viên, phần lớn các quốc gia đều chia công ty làm hai loại chủ yếu là công ty đối nhân và công ty đối vốn.

Đặc điểm của công ty đối nhân là sự liên kết giữa các tổ chức cá nhân chủ yếu